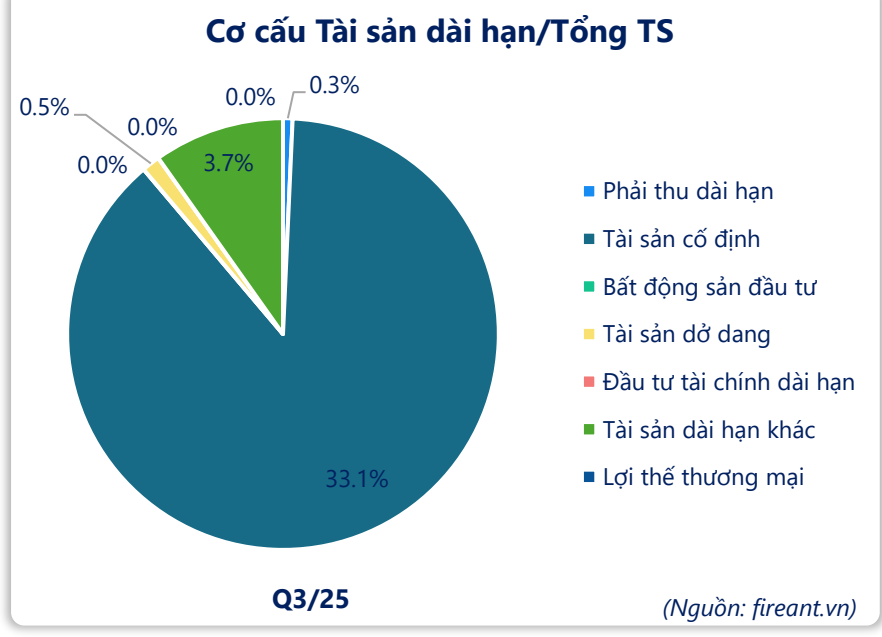
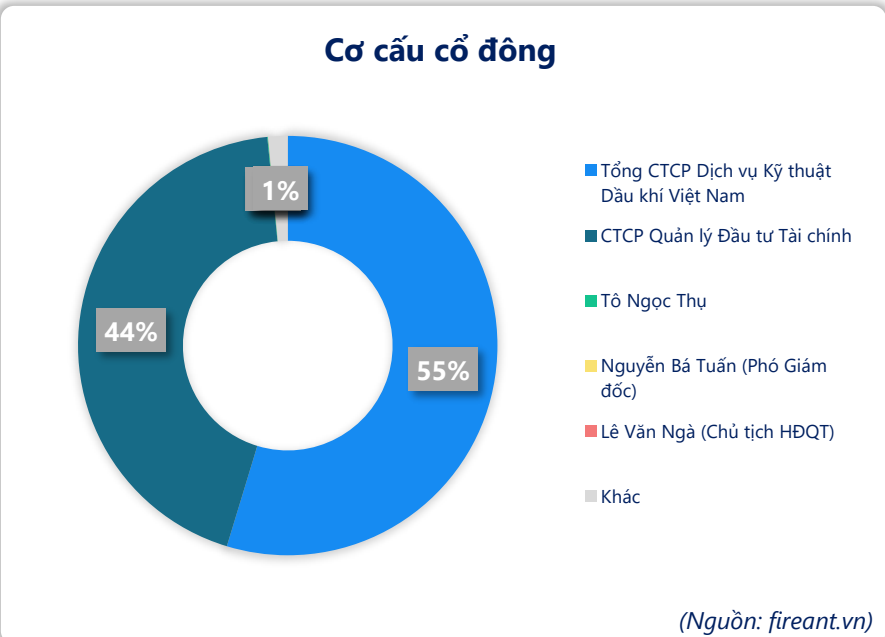
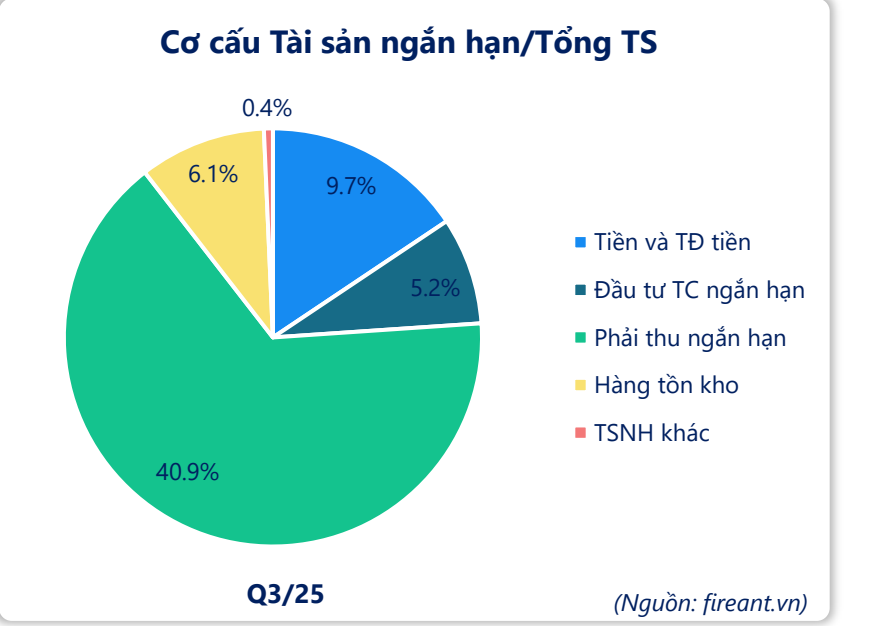
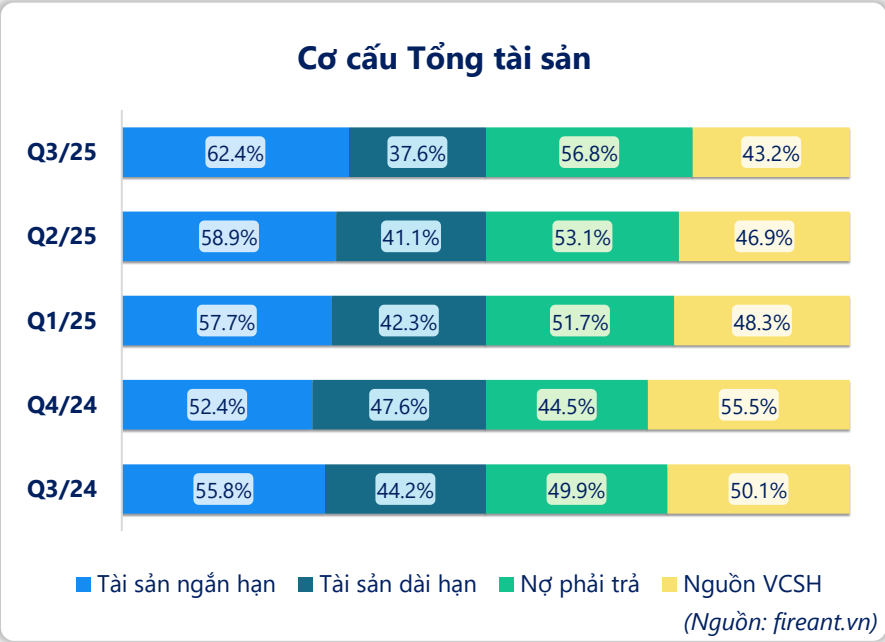
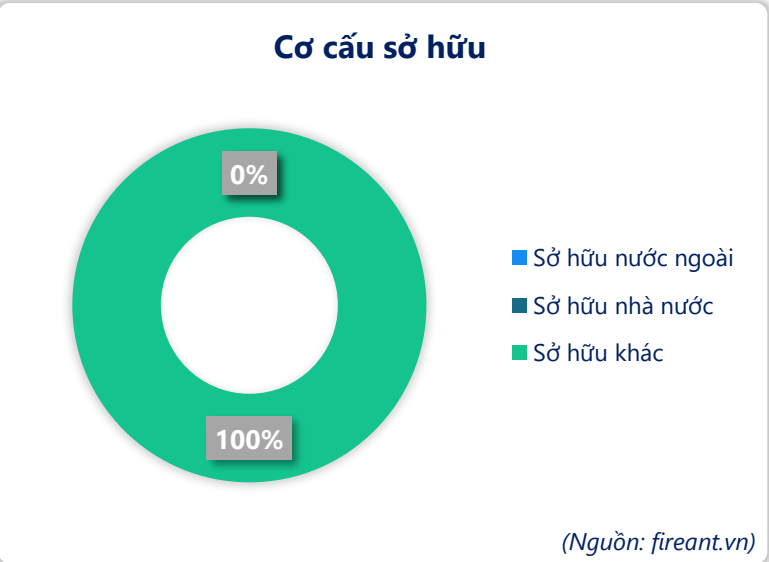
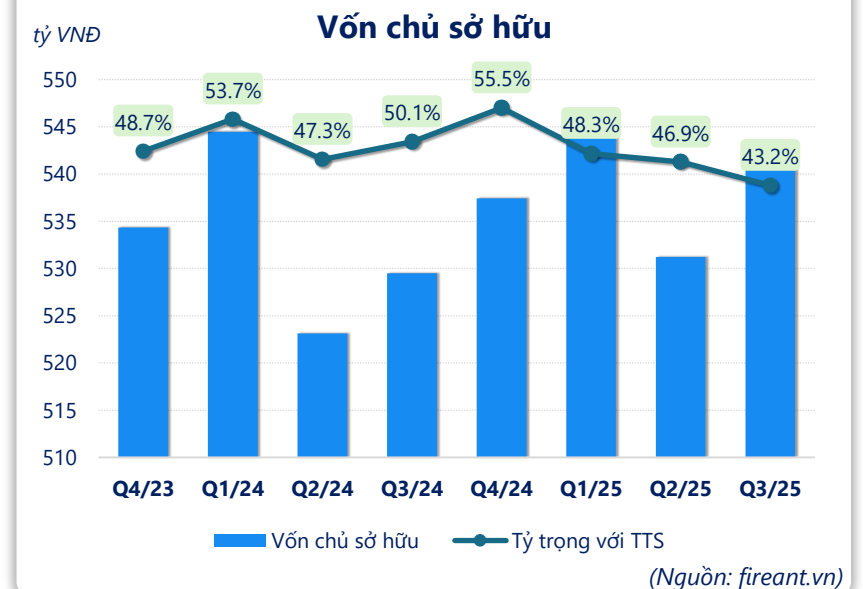
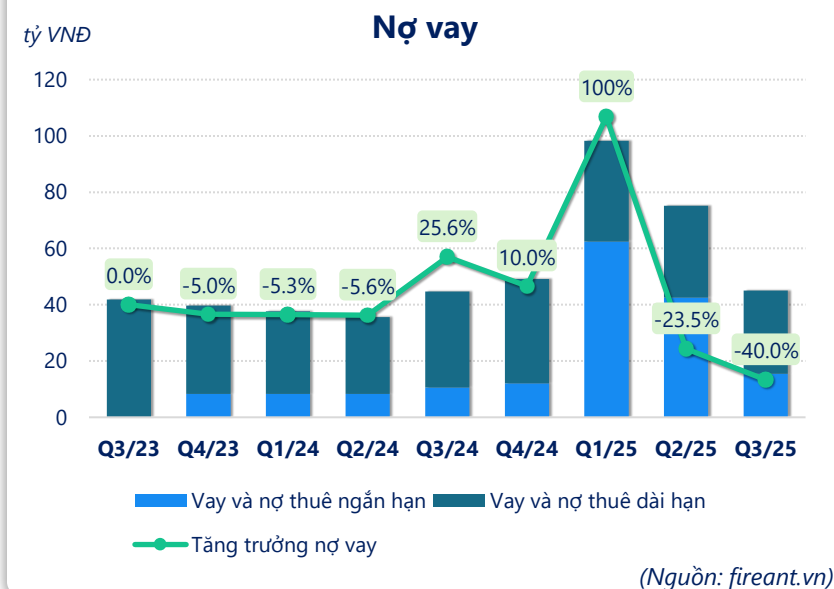
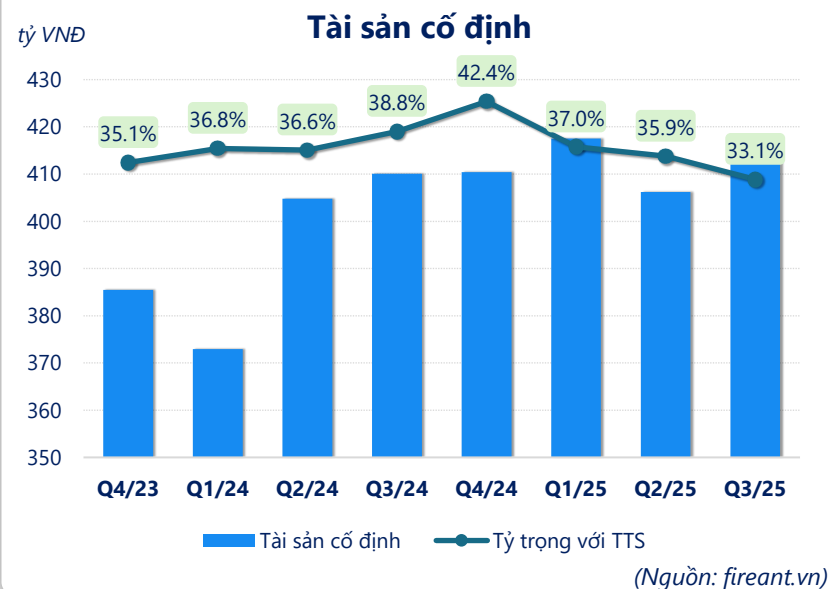
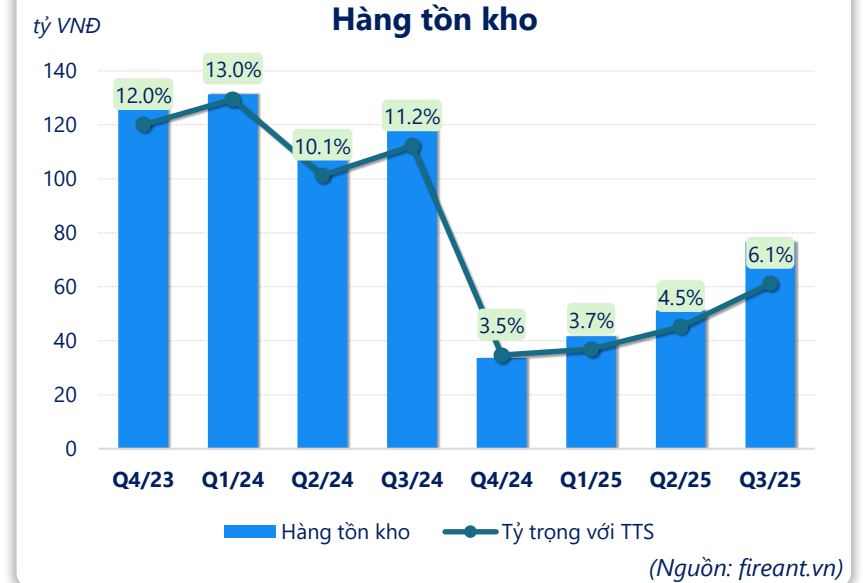
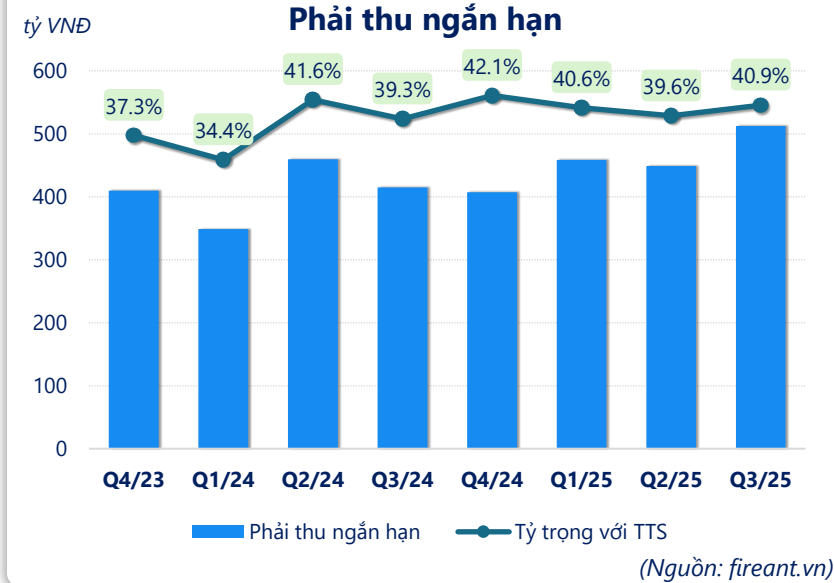
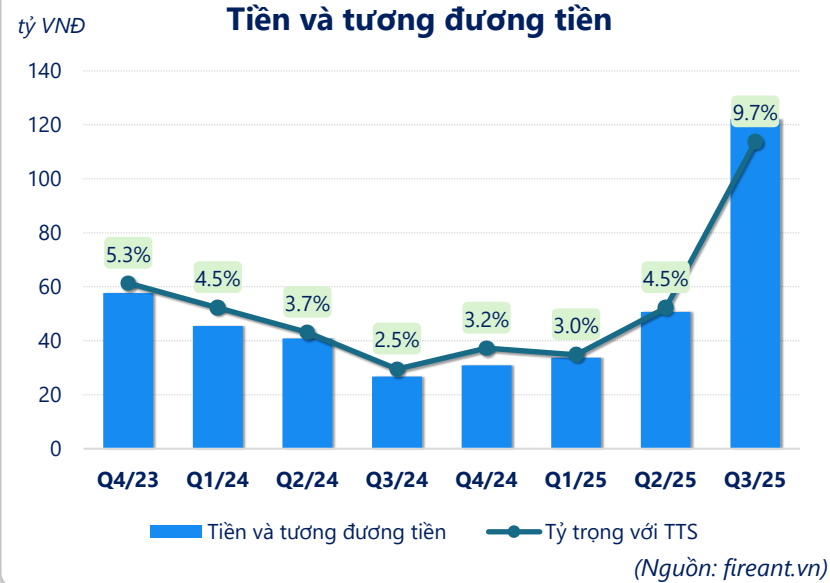
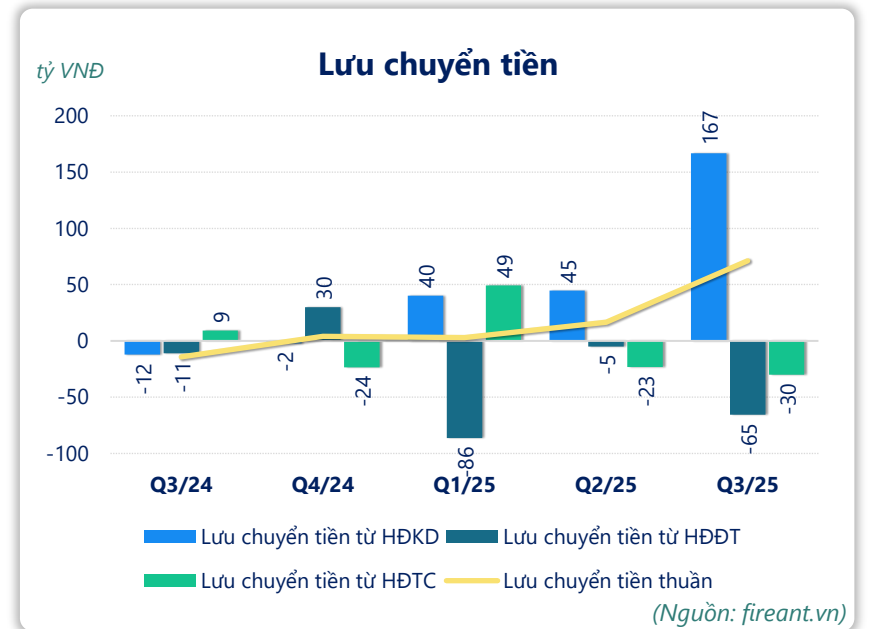
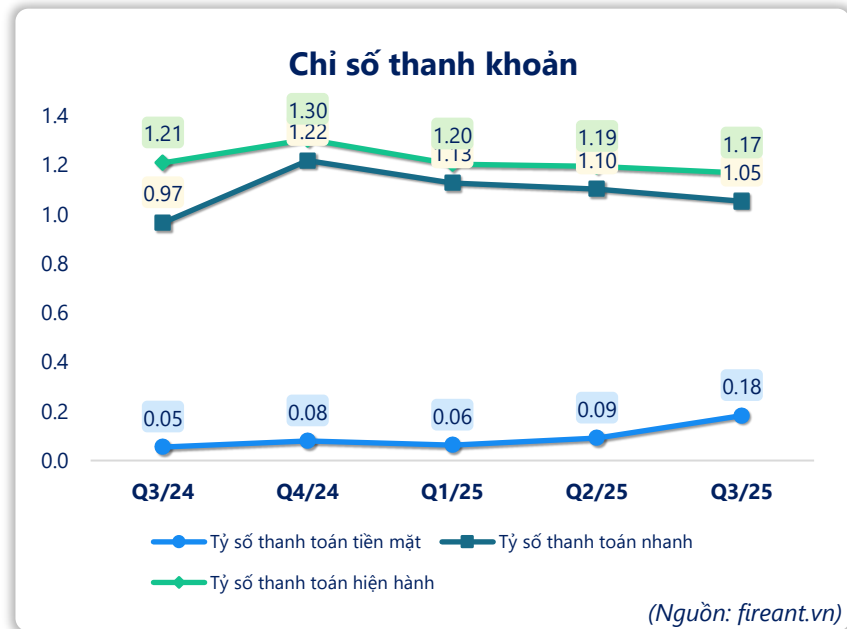
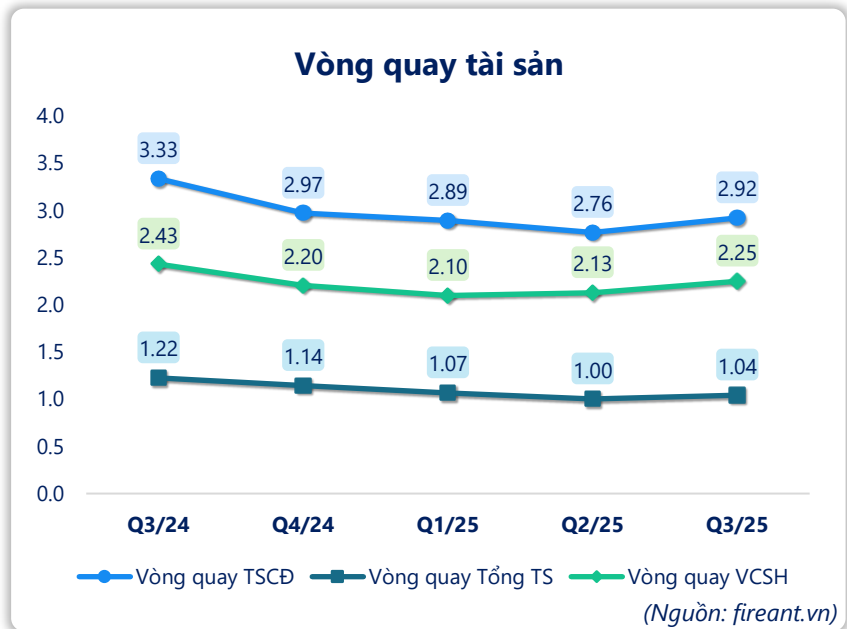
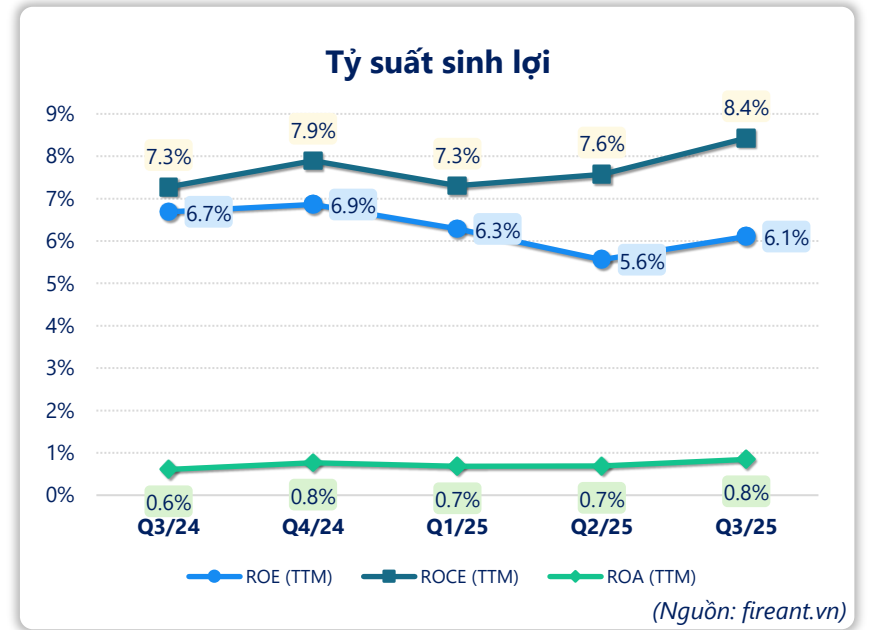
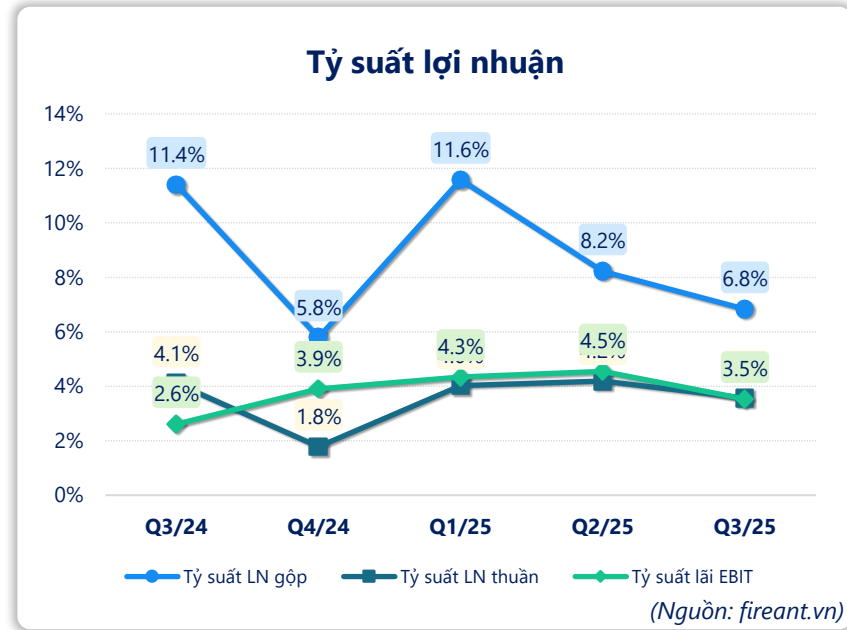
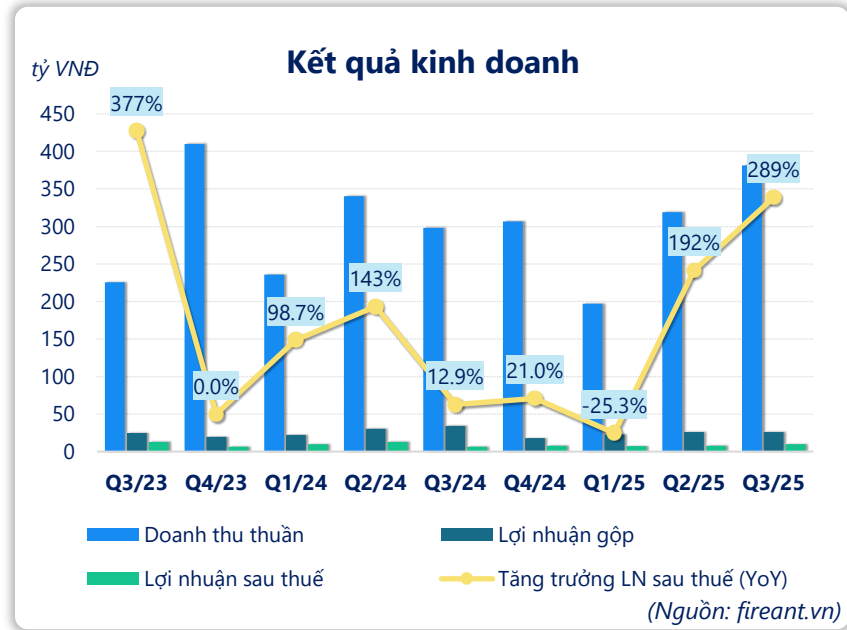


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,448
SL cổ phiếu LH		40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		85
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		384
P/E		11.8
EPS		817

	YTD	1T	3T	6T
PSN	0.0%	-2.0%	-2.0%	-6.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,252	968	29.4%
Tài sản ngắn hạn	782	503	55.5%
Tiền và tương đương tiền	122	30.9	295%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.9	34.9	86.1%
Phải thu ngắn hạn	513	409	25.4%
Hàng tồn kho	76.7	27.7	177%
Tài sản ngắn hạn khác	5.42	0.59	819%
Tài sản dài hạn	471	465	1.2%
Phải thu dài hạn	3.37	3.37	0.0%
Tài sản cố định	415	410	1.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.45	4.94	30.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	46.2	46.3	-0.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	711	430	65.4%
Nợ ngắn hạn	670	388	72.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.5	12.0	29.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	229	212	8.2%
Nợ dài hạn	41.9	41.8	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	29.6	37.1	-20.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	541	538	0.6%
Vốn chủ sở hữu	541	538	0.6%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	298	307	197	319	381
Giá vốn hàng bán	264	289	174	293	355
Lợi nhuận gộp	34.0	17.8	22.8	26.2	26.0
Doanh thu HĐTC	0.10	1.04	0.06	3.00	0.81
Chi phí TC	0.70	0.81	2.13	1.17	0.79
Chi phí lãi vay	0.70	0.76	1.25	1.17	0.76
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	21.2	12.5	12.8	14.7	12.5
LN thuần từ HĐKD	12.2	5.47	7.93	13.4	13.6
Lợi nhuận khác	-5.15	5.77	-0.62	0.56	-0.89
LN trước thuế	7.09	11.2	7.30	13.3	12.7
Lợi nhuận sau thuế	6.38	7.92	7.28	7.73	9.75
LNST của CĐ cty mẹ	6.38	7.92	7.28	7.73	9.75

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.3	-2.28	40.1	44.6	167
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.0	29.8	-86.4	-5.02	-65.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	9.09	-23.5	49.2	-23.1	-30.1
Tiền đầu kỳ	40.9	26.7	30.9	33.7	50.7
Lưu chuyển tiền thuần	-14.2	3.98	2.85	16.5	71.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0.21	-0.04	0.52	0.14
Tiền cuối kỳ	26.7	30.9	33.7	50.7	122

(Nguồn: fireant.vn)